TÒA ÁN ND TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Án số: 06 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Thúy Kiên**;

Các Hội thẩm nhân dân:**Ông Trần Trọng Tú; Ông Phạm Đức Long;**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Ngọc Anh-** *Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên*.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia;

Ngày 28/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 945/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST ngày 31/01/2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị B,** sinh năm 1973;

+ Bị đơn: **Anh Phạm Anh C,** sinh năm 1974;

Cùng ĐKHK và ở: Tổ 10, phường P thành phố Thái Nguyên;

(Chị B có đơn xin vắng mặt;Anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyên Thị B là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B kết hôn với anh C vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngay sau khi kết hôn.Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và do anh C nghiện ma túy từ trước khi kết hôn, nhiều lần cai nghiện nhưng không có kết quả. Anh C không còn thực hiện được trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên to tiếng xúc phạm nhau, anh C còn đánh đập chị B. Tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm, chị B yêu cầu được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Hương Giang, sinh ngày 23/4/2001- nay đã trưởng thành, do đó chị B không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa giải quyết;

- Về án phí: Chị B đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật;

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), nhưng bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về tố tụng**: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của chị B là đúng thẩm quyền.

Hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của BLTTDS;

[2]Về nội dung:Chị B đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

+Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Anh C kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị B và nội dung xác nhận của Chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú về tình trạng mâu thuẫn giữa các đương sự, có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm

trọng, kéo dài nhiều năm tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, việc anh C không tham gia hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giaỉ quyết vụ án, cho thấy anh C không thiện trí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống. Như vậy là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung hiện đã trưởng thành như chị B khai nêu trên. Do đó Tòa án không đặt vấn đề giải quyết nội dung này.

+Tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết;

+Về án phí: Chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của BLTTDS;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các quy định: - Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của BLTTDS;

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của BLTTDS;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B;

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị B được ly hôn anh Phạm Anh C;

2.Về con chung: Đã trưởng thành.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết (vì chị B không yêu cầu- nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác).

4.Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang-theo Biên lai thu số 0002455 ngày 10/12/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
-UBND p. Hương Sơn, TPThái Nguyên;
- Đương sự
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên